

Bản án số: 49/2025/DS-ST

Ngày: 22-8-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Ông Trần Hữu Chí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện
Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2025/TLST - DS
ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28a/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm
2025, quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Văn K, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Số A ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh
Long).

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh
năm 1979. Nơi cư trú: 5 ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh
Long).

Ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Văn N, sinh ngày 10/11/1965 (vắng mặt)

2. Bà Trương Thị S, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số E, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh
Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông Hà Văn K có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S, việc nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là ông K bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì ông N, bà S trả nợ. Xác nhận nợ đến ngày 07/11/2024 thì ông N, bà S còn nợ ông K số tiền 146.300.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm đồng) ông Đặng Văn N có đại diện cho bên mua ký tên vào bảng công nợ khách hàng. Sau đó ông Hà Văn K có yêu cầu ông N, bà S trả tiền nhưng đến nay ông N, bà S vẫn không trả.

Nhận thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm nên ông Hà Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hà Văn K số tiền còn nợ là 146.300.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng), ông Hà Văn K không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

** Bị đơn ông Đặng Văn N, bà Trương Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn K.

Buộc ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền 146.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng) ông Hà Văn K không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Hà Văn K vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành

chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tòa án xử xét xử vắng mặt các đương là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “Bảng công nợ khách hàng về việc bán thức ăn và thuốc thủy sản” đề ngày 07/11/2024 có nội dung “tên khách hàng ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S số tiền tổng nợ đại lý 146.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng)” (BL 33). Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm giữa ông Đặng Văn N, bà Trương Thị S với ông Hà Văn K tuy không được lập thành văn bản, nhưng trong quá trình mua bán được hai bên ký giấy xác nhận nợ trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, theo đó bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng hóa cho bên bán theo thỏa thuận.

[3] Tại công văn số 123/CV-CAX về việc trả lời xác minh nơi cư trú đối với ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S ngày 23/12/2024 của Công an xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (BL 47) thể hiện ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S có đăng ký thường trú tại địa phương. Ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và tổng đạt các tài liệu chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản gửi Tòa án, không có yêu cầu phản tố, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy, ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế gia đình. Tại văn bản số 459/UBND-KT ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (BL 56) thể hiện qua trích lục hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử lưu tại Ủy ban nhân dân xã không có thông tin hôn nhân giữa ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S. Tại biên bản xác minh ngày 30/5/2025 của Tòa án đối với Trưởng ấp Đ, xã T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh V) cho biết ông N, bà S sống chung với nhau từ năm 1987 đến nay, hiện vẫn còn chung sống với nhau tại địa phương. Tại biên bản xác minh và giải thích nghĩa vụ cung cấp chứng cứ ngày 30/5/2025 (BL 39) thì ông Đặng Văn N biết ông Hà Văn K khởi kiện ông N, bà S tại Tòa án nhưng không phản đối, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ cho sự phản đối. Như vậy, qua xác minh cho thấy ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S vẫn còn là vợ chồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Hà Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Văn N, bà Trương Thị S có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 146.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng) là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu lãi suất chậm trả.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn K được chấp nhận nên ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn K.

Buộc ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hà Văn K số tiền 146.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Ông Hà Văn K không yêu cầu lãi suất chậm trả nên không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Đặng Văn N và bà Trương Thị S phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.315.000 đồng (Bảy triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.658.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng) cho ông Hà Văn K (do Nguyễn Văn C nộp thay) theo biên lai thu số 0010899 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (P.GĐKT)
- VKS nhân dân khu vực 9;
- Phòng THA DS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương